***SINH HỌC 12***

***(Tài liệuôn tập tuần sau kiểm tra 1 tiết- Phần tiến hóa)- Điểm hệ số 1***

***CHUYÊN ĐỀ 1.* BẰNG CHỨNG VÀ CƠ CHẾ TIẾN HÓA**

**1. TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Kể tên và lấy ví dụ các bằng chứng tiến hóa chứng minh nguồn gốc chung của các loài sinh vật trên trái đất.

**Câu 2:** Tại sao những cơ quan thoái hóa không còn giữ chức năng gì vẫn được di truyền từ đời này sang đời khác mà không bị CLTN đào thải?

**Câu 3*:***Nội dung và ý nghĩa của học thuyết ĐácUyn? học thuyết ĐácUyn còn có những hạn chế gì?

**Câu 4:** Phân biệt CLTN và CLNT?

**Câu 5:** Phân biệt tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn?

**Câu 6:** Kể tên và nêu đặc điểm của các nhân tố tiến hóa?

**Câu 7**: Tại sao phần lớn đột biến đều có hại cho sinh vật nhưng vẫn được coi là nguồn nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa?

 **Câu 8:** Thế nào là loài sinh học? Phân biệt cách li sinh sản trước và sau hợp tử?

**Câu 9:** Trình bày và giải thích cơ chế của các con đường hình thành loài?

**B. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**Câu 1:** Cơ quan được bắt nguồn từ cùng một cơ quan, ở cùng loài tổ tiên mặc dầu hiện tại các cơ quan này có thể thực hiện các chức năng rất khác nhau gọi là cơ quan

A. tương đồng. B. tương tự. C. thoái hóa. D. tương trợ.

**Câu 2:** Cơ sở bằng chứng của sinh học phân tử là dựa vào các đặc điểm giống nhau và khác nhau về

A. cấu tạo trong giữa các loài khác nhau. B. các giai đoạn phát triển phôi thai.

C. cấu tạo pôlipeptit hoặc pôlinuclêôtit. D. sinh học và các biến cố địa chất.

**Câu 3.** Bằng chứng quan trọng nhất thể hiện nguồn gốc chung của sinh giới là

A. bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử. B. bằng chứng phôi sinh học.

C. bằng chứng giải phẩu học so sánh. D. bằng chứng địa lý sinh vật học.

**Câu 4:** Trường hợp nào sau đây được gọi là cơ quan thoái hoá ?.

A. Nam giới không có tuyến sữa. B. Vây cá heo tương tự vây cá chép.

C. Cánh của dơi tương tự cánh của chim. D. Phôi người có đuôi.

**Câu 5:** Ví dụ nào dưới đây thuộc loại cơ quan tương tự?

A. Tuyến nước bọt và tuyến nọc độc của rắn. B. Gai xương rồng, tua cuốn của đậu hà lan.

C. Nhụy trong hoa đực của cây ngô. D. Cánh sâu bọ và cánh dơi.

***Câu 6:*** Theo quan niệm của Đacuyn, biến dị cá thể là

A. những sai khác giữa các cá thể trong loài. B. những biến dị phát sinh trong quá trình sinh sản.

C. những biến dị di truyền được trong quá trình sinh sản. D. bao gồm các đột biến và biến dị tổ hợp.

**Câu 7:** Theo Đacuyn, nguyên nhân của tiến hoá là do

A. nâng cao dần trình độ tổ chức của cơ thể từ đơn giản đến phức tạp.

B. chọn lọc tự nhiên tác động thông qua tính biến dị và di truyền.

C. sự củng cố ngẫu nhiên các đột biến trung tính.

D. tác động của ngoại cảnh lên sinh vật, ảnh hưởng đến sinh vật.

**Câu 8:** Tồn tại chủ yếu trong học thuyết Đacuyn là chưa

A. hiểu rõ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền các biến dị.

B. giải thích thành công cơ chế hình thành các đặc điểm thích nghi ở sinh vật.

C. đi sâu vào các con đường hình thành loài mới.

D. làm rõ tổ chức của loài sinh học.

**Câu 9:** Câu nào dưới đây phản ánh đúng nhất nội dung của học thuyết Đacuyn ?

**A.** Những biến dị cá thể xuất hiện một cách riêng rẽ trong quá trình sinh sản mới là nguồn nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hóa.

**B.** Chỉ có các biến dị tổ hợp xuất hiện trong quá trình sinh sản mới là nguồn nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa.

**C.** Chỉ có đột biến gen xuất hiện trong quá trình sinh sản mới là nguồn nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hóa.

**D.** Những biến dị xuất hiện một cách đồng loạt theo một hướng xác định mới có ý nghĩa tiến hóa.

**Câu 10:** Theo Đac Uyn, muốn giải thích sự hình thành đặc điểm thích nghi của vật nuôi, cây trồng đối với nhu cầu con người phải dựa vào các nhân tố:

**A.** Đột biến, di truyền, chọn lọc nhân tạo. **B.** Biến dị, di truyền, chọn lọc nhân tạo.

**C.** Biến dị, di truyền, chọn lọc tự nhiên. **D.** Đột biến, giao phối, chọn lọc.

**Câu 11:** Tác động của Di - Nhập gen là gì?

 A. Di - nhập gen làm xuất hiện các tổ hợp gen mới trong quần thể

 B. Di - nhập gen làm tăng sự đa dạng của sinh vật trong tự nhiên.

 C. Di - nhập gen làm mất đi 1 hoặc 1 số gen của sinh vật

 D.Di - nhập gen làm thay đổi tần số các alen trong quần thể

**Câu 12:** Vì sao nói quá trình đột biến là nhân tố tiến hóa cơ bản?

 A. Vì tạo ra một áp lực làm thay đổi tần số các alen trong quần thể. B. Vì cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho tiến hóa.

 C. Vì tần số đột biến của vốn gen khá lớn. D. Vì là cơ sở để tạo biến dị tổ hợp.

**Câu 13:** Theo thuyết tiến hoá hiện đại, chọn lọc tự nhiên đóng vai trò:

 A. Tạo ra các kiểu gen thích nghi mà không đóng vai trò sàng lọc và giữ lại những cá thể có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi.

 B. Sàng lọc và giữ lại những cá thể có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi mà không tạo ra các kiểu gen thích nghi. C. Tạo ra các kiểu gen thích nghi từ đó tạo ra các cá thể có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi.

 D. Vừa giữ lại những cá thể có kiểu gen quy định kiểu hình thích nghi, vừa tạo ra các kiểu gen thích nghi.

**Câu 14:** Theo thuyết tiến hoá hiện đại, đơn vị tiến hoá cơ sở ở những loài giao phối là

A. Loài. B. Nòi địa lí và nòi sinh thái. C. Quần thể D. Cá thể

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng về vai trò của quá trình giao phối?

 A.Quá trình giao phối có vai trò làm phát tán đột biến trong quần thể, tạo ra vô số biến dị tổ hợp.

 B. Quá trình giao phối có vai trò tạo ra nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hoá.

 C. Quá trình giao phối có vai trò góp phần tạo ra những tổ hợp gen thích nghi.

 D. Quá trình giao phối có vai trò trung hoà tính có hại của đột biến.

**Câu 16:** Nhân tố tiến hoá có vai trò định hướng cho tiến hoá nhỏ là

 A. Chọn lọc tự nhiên. B.Quá trình đột biến. C. Biến động di truyền. D. Các cơ chế cách li.

**Câu 17:** Một hoặc một nhóm cá thể có khả năng giao phối với nhau trong tự nhiên sinh ra đời con có sức sống và khả năng sinh sản, cách li sinh sản với các nhóm quần thể khác gọi là

 A. loài sinh học. B. loài giao phối. C. loài tự phối. D. loài sinh sản.

**Câu 18:** Đặc điểm của cách ly sinh sản là

 A. khác nhau khu phân bố, nên không gặp nhau qua giao phối.

 B. bộ máy di truyền khác nhau nên không giao phối được.

 C. giao phối được nhưng hợp tử bị chết.

 D. không giao phối được do khác nhau về cơ quan sinh sản hoặc tập tính sinh dục khác.

**Câu 19:** Kết luận chính xác hai cá thể sinh vật nào đó thuộc hai loài sinh sản hữu tính khác nhau khi hai cá thể đó

 A. sống trong cùng một sinh cảnh. B. có nhiều đặc điểm hình thái giống nhau.

 C. có nhiều đặc điểm hình thái và sinh hóa giống nhau. D. không giao phối với nhau.

**Câu 20:** Tiêu chuẩn nào được dùng thông dụng để phân biệt hai loài ?

 A. Tiêu chuẩn hình thái. B. Tiêu chuẩn sinh thái. C. Tiêu chuẩn sinh hóa. D. Tiêu chuẩn cách li sinh sản.

**Câu 21:** Nguyên nhân chủ yếu của cách li sau hợp tử là do sự không tương hợp giữa 2 bộ nhiễm sắc thể của bố và mẹ về

 A. số lượng. B. hình thái. C. cấu trúc. D. kích thước.

**Câu 22:** Vai trò của cách li địa lí trong hình thành loài là

 A. duy trì sự khác biệt về vốn gen. B. tạo ra vốn gen mới.

 C. tăng nguồn biến dị tổ hợp. D. giảm biến dị cá thể.

**Câu 23:** Quần đảo là nơi lý tưởng cho quá trình hình thành loài mới vì

 A. các đảo cách xa nhau nên các sinh vật giữa các đảo không trao đổi vốn gen cho nhau.

 B. rất dễ xảy ra hiện tượng du nhập gen.

 C. giữa các đảo có sự cách li địa lý tương đối và khoảng cách giữa các đảo lại không quá lớn.

 D. chịu ảnh hướng rất lớn của các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 24:** Chim sẻ ngô Ấn Độ và chim sẻ ngô Trung Quốc được hình thành nhờ

 A. cách li địa lí. B. cách li sinh thái.

 C. cách li địa lí và sinh thái. D. cách li sinh sản và cách li di truyền.

**Câu 25:** Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa là phương thức thường gặp ở

 A. thực vật. B. động vật. C. động vật ít di động. D. động vật kí sinh.

**Câu 26:** Từ quần thể cây 2n, người ta tạo ra được quần thể cây 4n. Quần thể cây 4n có thể xem là một loài mới vì

 A. quần thể cây 4n có sự khác biệt với quần thể cây 2n về số lượng NST.

 B. quần thể cây 4n có thể giao phấn được với các cây của quần thể 2n cho ra cây lai 3n bị bất thụ.

 C. quần thể cây 4n không thể giao phấn được với các cây của quần thể 2n.

 D. quần thể cây 4n có các đặc điểm hình thái như kích thước các cơ quan sinh dưỡng lớn hơn hẳn các cây của quần thể 2n.

**Câu 27:** Cơ sở di truyền học của quá trình hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa là

 A. tế bào của cơ thể lai khác loài chứa bộ NST của 2 loài bố mẹ.

 B. hai bộ NST đơn bội khác loài trong tế bào nên gây khó khăn cho sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa các cặp NST làm cản trở quá trình phát sinh giao tử.

 C. sự đa bội hóa giúp tế bào sinh dục ở cơ thể lai xa giảm phân bình thường và cơ thể lai xa hữu thụ. D. cơ thể lai xa được duy trì bộ NST qua sinh sản sinh dưỡng.

**Câu 28:** Hiện tượng nào sau đây nhanh chóng hình thành loài mới mà không cần sự cách ly địa lý?

 A. Dị đa bội. B. Lai xa khác loài. C. Đột biến nhiểm sắc thể. D. Tự đa bội.

**Câu 29:** Trong các phương thức hình thành loài, phương thức nào sau đây tạo ra kết quả nhanh nhất ?

 A. Cách li địa lý. B. Cách li sinh thái C. Lai xa và đa bội hoá. D. Cách li tập tính.

***CHUYÊN ĐỀ 2.* SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT**

**A. TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Trình bày sự hình thành các hợp chất hữu cơ trong khí quyển nguyên thủy?

**Câu 2:** Giả sử ở một nơi nào đó trên trái đất hiện nay, các HCHC được tổng hợp từ chất vô cơ trong tự nhiên thì liệu từ các chất này có thể tiến hóa hình thành các tế bào sơ khai như đã từng xảy ra trong quá khứ? Giải thích?

**Câu 3*:***Vai trò của lipit trong quá trình tiến hóa tạo nên lớp màng bán thấm?

**Câu 4:** Vai trò của CLTN trong quá trình hình thành tế bào sơ khai?

**Câu 5:** Viết sơ đồ tóm tắt giai đoạn tiến hóa hóa học? Ngày nay, sự sống có còn được hình thành từ những vật chất vô cơ theo phương thức hóa học nữa hay không?

**Câu 6:** Hóa thạch là gì? Vai trò của Hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử tiến hóa của sinh giới?

**Câu 7**: Khí hậu trái đất sẽ như thế nào trong những thế kỉ và thiên niên kỉ tới? Cần làm gì để ngăn chặn nạn đại tuyệt chủng có thể xảy ra do con người?

**Câu 8:** Lấy ví dụ giải thích sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất?

**Câu 9:** Phân biệt tiến hóa sinh học với tiến hóa văn hóa?

**B. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**Câu 1:** Khi nghiên cứu về sự sống trên trái đất, thí nghiệm của MiLơ đã chứng minh

 A. Sự sống trên trái đất có nguồn nguồn gốc từ vũ trụ.

 B. Axít nuclêic hình thành từ các nuclêôtit.

 C. Chất hữu cơ đầu tiên trên trái đất đã được hình thành từ các chất vô cơ theo con đường hoá học.

 D. Các chất hữu cơ đầu tiên trên trái đất đã được hình thành từ các nguyên tố có sẳn trên bề mặt trái đất theo con đường sinh học.

**Câu 2:** Chất hữu cơ đơn giản đầu tiên được hình thành trong quá trình phát sinh sự sống trên trái đất thuộc loại

 A. Prôtêin và Axít nuclêic B. Saccarít và Lipít C. Saccarít, Lipít và Prôtêin D. Cacbuahydrô

**Câu 3:** Phát biểu nào dưới đây là không đúng về nguồn gốc sự sống?

 A. Giai đoạn tiến hoá sinh học là giai đoạn tính từ những sinh vật đầu tiên đến toàn bộ sinh giới hiện nay.

 B. Giai đoạn tiến hoá tiền sinh học được tính từ những hợp chất hữu cơ đơn giản đến sinh vật đầu tiên.

 C.Giai đoạn tiến hoá hoá học là giai đoạn từ các chất vô cơ đơn giản hình thành nên các chất hữu cơ đơn giản rồi phức tạp.

 D. Giai đoạn tiến hoá tiền sinh học được tính từ những hợp chất hữu cơ đơn giản đến toàn bộ sinh giới hiện nay.

**Câu 4:** Giai đoạn tiến hóa hóa học từ các chất vô cơ đã hình thành các chất hữu cơ đơn giản rồi phức tạp là nhờ

 A. Sự xuất hiện cơ chế tự sao chép.

 B. Tác động của các enzim và nhiệt độ.

 C. Tác dụng của các nguồn năng lượng tự nhiên (bức xạ nhiệt, tia tử ngoại,...).

 D. Các cơn mưa kéo dài hàng ngàn năm.

**Câu 5:** Ngày nay, sự sống không thể được hình thành từ chất vô cơ theo phương thức hóa học được nữa vì

 A. thiếu prôtêin và axit nuclêic trong tự nhiên

 B. thiếu điều kiện tự nhiên như thời nguyên thủy của Trái đất hoặc chất hữu cơ được tạo thành ngoài cơ thể sống sẽ bị vi khuẩn phân hủy

 C. sự sống chỉ hình thành theo phương thức sinh học trong cơ thể sống

 D. có sự tác động của con người.

**Câu 6:** Hoá thạch là

 A. xác sinh vật chư­a bị phân huỷ hết. B. xác sinh vật bị hoá đá.

 C. bộ xư­ơng của sinh vật để lại trong các lớp đất đá.

 D. di tích của sinh vật sống từ thời xa x­ưa đã để lại trong các lớp đất đá.

**Câu 7.** Phát biểu **không** đúng về sự phát sinh sự sống trên trái đất là

**A**. sự xuất hiện sự sống gắn liền với sự xuất hiện các đại phân tử hữu cơ có khả năng tự nhân đôi.

**B.** chọn lọc tự nhiên không có tác động ở những giai đoạn đầu tiên của quá trình tiến hoá hình thành tế bào sơ khai mà chỉ tác động từ khi sinh vật đa bào đầu tiên xuất hiện.

**C.** nhiều bằng chứng thực nghiệm thu được đã ủng hộ quan điểm cho rằng các chất hữu cơ đầu tiên trên trái đất được hình thành bằng con đường hoá học.

**D.** các chất hữu cơ đơn giản đầu tiên trên trái đất có thể được xuất hiện bằng con đường tổng hợp hoá học.

**Câu 8.** Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất, sự kiện nào sau đây không diễn ra trong giai đoạn tiến hóa hóa học?

 A. Từ các chất vô cơ hình thành nên các chất hữu cơ đơn giản

 B. Hình thành nên các tế bào sơ khai (tế bào nguyên thủy)

 C. Các axit amin liên kết với nhau tạo nên các chuỗi pôlipeptit đơn giản.

 D. Các nuclêôtit liên kết với nhau tạo nên các phân tử axit nuclêic

**Câu 9:** Phát sinh chim và thú vào kỉ và đại nào?

 A.kỉ Jura - đại trung sinh. B. kỉ Tam điệp -đại trung sinh.

 C.kỉ Phấn trắng-đại trung sinh. D. kỉ Cacbon -đại trung sinh.

**Câu 10:** Cây có hoa ngự trị ở kỉ

 A. Đệ tam. B. Pecmơ. C. Tam điệp. D. Cambri.

**Câu 11:** Di tích không phải là hoá thạch

 A. Vết chân ng­ười tiền sử để lại trong đất đá. B. Tranh vẽ trên đá của ng­ười nguyên thuỷ.

 C. Một quả trứng khủng long bị vùi trong cát khô. D. Xác voi ma mút trong lớp băng dày còn t­ươi nguyên.

**Câu 12:** Loài người hiện đại( H. sapien) đã tiến hóa qua các dạng trung gian nào?

 A. Hoomo habilis đến Homo erectus. B. Hoomo erectus đến Homo habilis.

 C. Hoomo habilis đến Homo neanderthalensis. D. Hoomo habilis đến Homo egaster.

**Câu 13:** Người khác vượn người ngày nay ở điểm căn bản là

 A. bộ xương. B. bộ não. C. tứ chi. D. lao động, tiếng nói và tư duy.

**Câu 14:** Tiến hóa văn hóa giúp con người

 A. nhanh chóng trở thành loài thống trị trong tự nhiên. B. có cấu tạo thích nghi hơn các loài khác.

 C. bộ não phát triển hơn vượn người ngày nay. D. có kích thước cơ thể lớn hơn các loài khác.

**Câu 15:** Ở giai đoạn đầu quá trình phát sinh loài người (từ vượn người đến người cổ Homo), nhân tố đóng vai trò chủ yếu là

 A. nhân tố xã hội. B. chọn lọc tự nhiên. C. phân li tính trạng. D. nhân tố sinh học.

**Câu 16:** Dạng vượn người nào dưới đây có quan hệ gần gũi nhất với người, vì sao?

 A. khỉ Gôrila, vì chúng đi bằng 2 chi sau, tầm vóc tương đương.

 B. Tinh Tinh, vì chúng tinh khôn nhất trong họ vượn người, có 98% cặp nuclêôtit giống người.

 C. Đười ươi, vì chúng có 32 răng và 4 nhóm máu giống người.

 D. Vượn, vì chúng khôn lanh, không có đuôi.